

Bản án số: 89/2020/HS - ST
Ngày 25/11/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: - 1. Ông Ngô Đức Thủy.

-2. Bà Ngô Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ca - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa:

Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 25 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 84/2020/HSST ngày 16 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2020/QĐXXST - HS ngày 22 tháng 10 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2020/HSST - QĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng Xuân T** - Tên gọi khác: Hoàng Văn T - Giới tính: Nam; Sinh năm: 1974, tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi ĐKKHKT: thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Chỗ ở: thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công chức địa chính - xây dựng xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Đảng viên đảng cộng sản Việt Nam sinh hoạt tại Chi bộ thôn C thuộc Đảng bộ xã T, huyện L, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng tại Quyết định số 203-QĐ/UBKTHU ngày 07/7/2020 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy L.

Trình độ học vấn: 12/12; Họ và tên bố: Hoàng Văn T1, sinh năm 1930 (đã chết); Họ và tên mẹ: Dương Thị L, sinh năm 1931; Vợ: Nông Thị D, sinh năm 1982; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2006; Hiện cùng trú tại thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/6/2020, hiện bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

1. Anh Phan Văn H - Sinh năm 1989 (Có mặt).
2. Ông Phan Văn I - Sinh năm 1966(Có mặt).
3. Ông Vi Văn C - Sinh năm 1966(Có mặt).
4. Anh Bùi Văn N - Sinh năm 1987(Có mặt).

5. Anh Hoàng Văn V - Sinh năm 1973 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).
Đều trú quán: Thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn dân sự:**

UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang do ông Phạm Văn D - Trưởng phòng tài chính kế hoạch huyện L, tỉnh Bắc Giang đại diện theo ủy quyền. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Tàng Thị B - Sinh năm 1994(Có mặt).
2. Bà Hà Thị Đ - Sinh năm 1967(Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)..
3. Chị Nghiêm Thị H1 - Sinh năm 1993(Có mặt).
4. Chị Hoàng Thị L - Sinh năm 1974(Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).
5. Bà Hoàng Thị S - Sinh năm 1966(Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Đều trú tại: Thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

6. Chị Nông Thị D - Sinh năm 1982(Có mặt).

Trú tại: Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

*** Người làm chứng:**

1. Bà Sái Thị Đ1 - Sinh năm 1960(Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).
2. Anh Vi Văn L1 (Vi Văn C) - Sinh năm 1989(Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).
3. Chị Lương Thị T1 - Sinh năm 1978(Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).
4. Anh Bùi Văn T - Sinh năm 1983(Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).
5. Ông Hoàng Văn C - Sinh năm 1952 (Vắng mặt).
6. Bà Dương Thị Đ - Sinh năm 1956(Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).
7. Chị Vi Thị M - Sinh năm 1979(Vắng mặt).
8. Bà Vi Thị T2 - Sinh năm 1961(Vắng mặt).

Đều trú tại: Thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

9. Ông Hoàng Văn P - Sinh năm 1963(Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).
10. Bà Hà Thị S - Sinh năm 1965(Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Đều trú tại: Thôn A, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

11. Anh Nguyễn Đức N - Sinh năm 1976(Vắng mặt).

Trú tại: Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

12. Anh Nguyễn Đức T3 - Sinh năm 1982(Vắng mặt).

Trú tại: Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

13. Anh Mai Văn D - Sinh năm 1980(Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Trú tại: Tổ dân phố L, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

14. Anh Ngô Văn T4 - Sinh năm 1990(Vắng mặt).

Trú tại: Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

15. UBND xã P do ông Lý Đức D1 - Chủ tịch đại diện(Vắng mặt).

16. Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Bắc Giang, phòng giao dịch L(Vắng mặt).

17. Kho bạc Nhà nước huyện L(Vắng mặt).

18. Chi cục thuế khu vực L - S (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Xuân T được bổ nhiệm cán bộ địa chính - xây dựng của Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang từ ngày 15/02/2002 theo quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ số 21/QĐ-UB ngày 15/02/2002 của Ủy ban nhân dân xã P. Ngày 01/6/2017 Hoàng Xuân T được điều động đến công tác và đảm nhiệm chức danh công chức địa chính - xây dựng tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang theo quyết định số 4956/QĐ-UBND ngày 31/5/2017 của chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L. Trong khoảng thời gian từ ngày 15/02/2002 đến 14/02/2011 Hoàng Xuân T được phân công nhiệm vụ trong lĩnh vực địa chính - xây dựng. Trong thời gian từ ngày 14/02/2011 đến ngày 01/6/2017 Hoàng Xuân T được phân công nhiệm vụ như sau: Tại quyết định Ban hành quy chế làm việc số 02/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân xã P nhiệm kỳ 2011-2016 và Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân xã P cùng ngày 14/02/2011 Hoàng Xuân T được phân công nhiệm vụ theo nhiệm vụ đối với cán bộ địa chính - xây dựng như sau “Lập sổ địa chính đối với chủ sử dụng đất hợp pháp, lập sổ mục kê toàn bộ đất của xã, chỉnh lý sự biến động đất đai trên sổ và bản đồ địa chính đã được phê duyệt. Lập hồ sơ, văn bản đề UBND xã trình UBND cấp trên quyết định về giao đất, thu hồi đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tham gia xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai. Bảo quản hồ sơ địa giới hành chính, bản đồ địa giới hành chính, bản đồ chuyên ngành, sổ địa chính, sổ mục kê, sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các mốc địa giới. Hòa giải tranh chấp về đất đai, tiếp nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo về đất đai, thường xuyên kiểm tra nhằm phát hiện kịp thời các trường hợp vi phạm đất đai để đề xuất UBND xã xử lý. Phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp trên trong việc đo đạc, lập bản đồ địa giới hành chính, giải phóng mặt bằng. Giúp cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch trong công tác quản lý đất đai và trật tự xây dựng nhằm ngăn chặn kịp thời những trường hợp lấn chiếm đất đai, sử dụng đất đai không đúng mục đích và thực hiện một số nhiệm vụ khác khi được Chủ tịch, Phó Chủ tịch giao. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch, Phó Chủ tịch về nhiệm vụ chuyên môn và một số nhiệm vụ khác được giao”. Tại quyết định ban hành quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân xã P nhiệm kỳ 2011-2016 (sửa đổi bổ sung) và Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân xã P nhiệm kỳ 2011-2016 (sửa đổi bổ sung) quy định nhiệm vụ, quyền hạn của công chức chuyên môn như sau: “Nhiệm vụ cụ thể của công chức chuyên môn thực hiện theo Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường thị trấn”. Tại quyết định ban hành quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân xã P nhiệm kỳ 2016-2021; quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân xã P nhiệm kỳ 2016-2021 và Phân công nhiệm vụ của thành viên Ủy ban nhân dân và công chức thuộc Ủy ban nhân dân nhiệm kỳ 2016-2021, nhiệm vụ của Hoàng Xuân T được phân công như sau: “Phụ trách lĩnh vực địa chính - xây dựng, giao thông, thủy lợi. Trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ sau: Thu thập thông tin, tổng hợp số liệu, lập sổ sách các tài liệu và xây dựng các báo cáo về đất đai, địa giới hành chính, tài nguyên, môi trường và đa dạng sinh học, công tác quy hoạch, xây dựng, đô thị, giao thông, nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn theo quy định của pháp luật; Giám sát về kỹ thuật các công trình xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã; Phụ trách thôn P”.

Trong thời gian từ tháng 6/2006 đến tháng 9/2016, xuất phát từ việc một số hộ dân trên địa bàn xã P có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất. Hoàng Xuân T đã tiếp nhận và hứa hẹn làm thủ tục, hồ sơ để chuyển đổi mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình ông Vi Văn C, Phan Văn I, Phan Văn H, Hoàng Văn V và Bùi Văn N đều ở thôn C, xã P, huyện L để chiếm đoạt của 05 hộ dân này với tổng số tiền 41.800.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng tháng 6/2006 ông Vi Văn C, sinh năm 1966 trú tại thôn C, xã P, huyện L có con gái là Vi Thị L, sinh năm 1990 lập gia đình chưa có đất ở, nên ông C đã đến UBND xã P gặp Hoàng Xuân T để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Khu T thuộc thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Ngày 20/10/2006 T đến nhà của ông C nói với ông C để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải đưa chi phí cho T một khoản tiền. Ông C đã đưa cho T số tiền 5.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền T không làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 2011 do bị ông C thúc giục nhiều lần nên T có nói là làm nhà được trên diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, nên ông C đã làm nhà cho con gái trên diện tích đất trên. Ngày 13/11/2016 T nói với bà Hà Thị Đ, sinh năm 1967 là vợ của ông Vi Văn C là đã có quyết định rồi và thông báo cho bà Đ đi nộp tiền thuế sử dụng đất, đồng thời T cũng nói với ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1965 là Chủ tịch UBND xã P trong cuộc họp giao ban của UBND thường kỳ. Bà Đ sau đó có hỏi ông Nguyễn Văn C và được ông Nguyễn Văn C thông báo với nội dung tương tự như T đã nói với bà Hà Thị Đ. Nghe Hoàng Xuân T và ông Nguyễn Văn C nói vậy, ngày 14/11/2016 bà Hà Thị Đ có đến nhà ông Hoàng Văn P, sinh năm 1963 trú tại thôn A, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang vay số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 01%/tháng. Ngày 16/11/2016 T cùng với bà Hà Thị Đ và con trai bà Đ là anh Vi Văn C1, sinh năm 1989 đến phòng giao dịch Ngân hàng BIDV tại huyện L nộp tiền thuế sử dụng vào ngân sách Nhà nước số tiền 97.200.000 đồng. Đến đầu năm 2017 do không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L trả lại hồ sơ cho T. Đến nay T chưa trả lại cho ông Vi Văn C số tiền 5.000.000 đồng. Ngày 15/3/2018 ông Vi Văn C có đơn tố cáo gửi Công an huyện Lục Ngạn đề nghị giải quyết.

Lần thứ hai: Khoảng tháng 02/2013 ông Phan Văn I, sinh năm 1966 trú tại thôn C, xã P, huyện L xây nhà cho con trai là anh Phan Văn H, sinh năm 1989 trú tại thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 414/QSĐĐ/414 QĐ-UB(H) ngày 28/9/2000 tại khu Công Làng thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do diện tích đất này chưa chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa lâu năm thành đất ở, ông I đến Ủy ban nhân dân xã P gặp Hoàng Xuân T để làm thủ tục chuyển mục đích cho mảnh đất trên. T đến nhà ông I, sau khi xem xét diện tích đất trên, T nói với ông I là đưa cho T một khoản tiền để làm chi phí đi lại uống nước. Nghe T nói vậy ông I bảo vợ là bà Hoàng Thị S, sinh năm 1966 đưa cho T số tiền 5.000.000 đồng. Ông I sau đó tiếp tục xây nhà đến khi hoàn thành, Ủy ban nhân dân xã P không kiểm tra xử lý vi phạm. Sau khi nhận tiền của ông I, nhưng T không làm thủ tục đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất cho ông I. Đến tháng 5/2017, T đã làm thủ tục đề nghị Ủy ban nhân dân huyện L cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông I với mục đích sử dụng “đất trồng cây lâu năm”, không phải là “đất ở”.

Lần thứ ba: Do chưa làm được thủ tục tặng cho và chuyển mục đích sử dụng đất thành đất ở từ năm 2013 cho ông Phan Văn I nêu trên, nên anh Phan Văn H (con trai ông I) đã nhiều lần thúc giục Hoàng Xuân T làm hồ sơ cho anh H. Tháng 10/2016 T đến nhà anh H, tại đây T nói với chị Tăng Thị B, sinh năm 1994 là vợ của anh H muốn làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm thành đất ở và mang tên vợ chồng chị B thì phải nộp tiền phí thì mới làm nhanh được. Do không có tiền nên vợ chồng anh H đã vay của bà Sái Thị Đ1, sinh năm 1960, trú tại thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang số tiền 10.000.000 đồng đưa cho T. Sau khi nhận tiền của gia đình anh H, nhưng T không làm hồ sơ thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất cho hộ gia đình anh H. Ngày 06/6/2017 T tự thông báo và cùng anh H đến Phòng giao dịch Ngân hàng BIDV tại huyện L thuộc chi nhánh tỉnh Bắc Giang để nộp tiền thuế vào ngân sách Nhà nước số tiền 42.500.000 đồng. Đến nay gia đình anh H chưa có quyết định chuyển mục đích sử dụng đất mang tên anh Phan Văn H tại khu C thuộc thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang, số tiền đã nộp vào ngân sách chưa được trả lại. Đến tháng 6/2017 T đã đến nhà anh H để trả lại cho anh H số tiền 10.000.000 đồng. Ngày 04/12/2017 anh Phan Văn H có đơn tố cáo gửi Công an huyện Lục Ngạn đề nghị giải quyết.

Lần thứ tư: Năm 2012 ông Hoàng Văn V, sinh năm 1973, trú tại thôn C, xã P, huyện L có nhu cầu chuyển mục đích thửa đất tại khu T thuộc thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang từ đất trồng lúa sang thành đất ở. Hoàng Văn V đến Ủy ban nhân dân xã P gặp Hoàng Xuân T để nhờ T làm hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất. Tháng 12/2015 ông V gặp T nói muốn chuyển mục đích sử dụng đất để xây nhà, T bảo với ông V đưa tiền cho T để làm chi phí làm hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất, nghe nói vậy, ông V đã đưa cho T số tiền 5.000.000 đồng. Đến tháng 01/2016 T đến nhà ông V nói với ông V số tiền 5.000.000 đồng không đủ làm chi phí chuyển mục đích sử dụng đất, nghe vậy ông V đã đưa thêm cho T số tiền 5.000.000 đồng. Đến ngày 10/01/2016 T đến đo thửa đất của hộ ông V tại khu T để ông V xây dựng nhà ở. Sau khi T đo xong ông V đã xây dựng ngôi nhà 3 tầng trên diện tích đất trên. Sau khi nhận tiền T không thiết lập hồ sơ đề nghị chuyển mục đích cho hộ ông V. Đến đầu năm 2018 T đã mang số tiền 10.000.000 đồng đến trả lại cho vợ chồng ông V.

Lần thứ năm: Tháng 9/2016 anh Bùi Văn N, sinh năm 1987 trú tại thôn C, xã P, huyện L đến Ủy ban nhân dân xã P gặp Hoàng Xuân T để đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất tại khu G thuộc thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang từ đất trồng lúa thành đất ở. Ngày 03/9/2016 T đến nhà anh N và bảo anh N đưa cho T số tiền 10.000.000 đồng để làm chi phí lập hồ sơ. Sau đó vài hôm, T tiếp tục gọi điện cho anh N đến Ủy ban nhân dân xã P đưa thêm cho T số tiền 1.800.000 đồng, đưa tại phòng làm việc của T. T nói với anh N số tiền này để chi trả tiền trích đo thửa đất của anh N. Sau khi nhận tiền của anh N nhưng T không lập hồ sơ, do nhiều lần anh N thúc giục, nên ngày 18/01/2017 T đã thông báo và cùng anh N đến phòng giao dịch Ngân hàng BIDV tại huyện L để nộp tiền thuế sử dụng đất vào ngân sách nhà nước số tiền 42.500.000 đồng. Đến nay gia đình anh N chưa có quyết định chuyển mục đích sử dụng đất tại khu T thuộc thôn C, xã P, huyện L. Ngày 17/01/2018 T đã trả lại anh N số tiền 10.000.000 đồng tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Ngày 10/3/2018 anh Bùi Văn N có đơn tố cáo gửi Công an huyện Lục Ngạn đề nghị giải quyết.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất được thực hiện như sau: Khi các hộ dân có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất thì đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã gặp cán bộ chuyên môn hướng dẫn làm thủ tục, hồ sơ theo mẫu quy định. Ủy ban nhân dân xã xác nhận hồ sơ, thẩm duyệt nếu đủ điều kiện thì ký xác nhận và trả hồ sơ để người dân nộp trực tiếp đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để giải quyết, người dân có thể ký hợp đồng ủy quyền cho cán bộ địa chính Ủy ban nhân dân xã đi nộp hồ sơ. Khi có thông báo quyết định cho phép chuyển mục đích thì cán bộ được ủy quyền hoặc hộ dân đến nộp tiền thực hiện nghĩa vụ tài chính như trong thông báo nộp tiền rồi nộp qua bộ phận một cửa, sau đó qua cơ quan chuyên môn in cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chuyển đổi. Tại Cơ quan điều tra, Hoàng Xuân T khai nhận bản thân hiểu được trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trình cũng hiểu rõ trong khi thực hiện nhiệm vụ không được phép thu tiền của các hộ dân có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tổng số 41.800.000 đồng Trình đã nhận của các hộ Vi Văn C, Phan Văn I, Phan Văn H, Hoàng Văn V và Bùi Văn N, T khai sau khi nhận tiền, T đã chi trả tiền trích đo bản đồ địa chính thửa đất cho các hộ, chi lệ phí Giấy chứng nhận, chi mời cơm cán bộ đến đo đạc, thẩm định. Tuy nhiên T không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho các khoản chi này. Về nội dung Hoàng Xuân T thông báo và hướng dẫn cho các hộ Vi Văn C, Bùi Văn N và Phan Văn H nộp tổng số tiền 182.200.000 đồng vào ngân sách nhà nước (Vi Văn C 97.200.000 đồng; Bùi Văn N 42.500.000 đồng; Phan Văn H 42.500.000 đồng). T khai nhận, do bị các hộ dân và lãnh đạo UBND xã P thúc giục nhiều nên T thông báo và hướng dẫn cho các hộ dân nộp tiền vào ngân sách Nhà nước để tạo lòng tin. T cho rằng số tiền các hộ dân nộp vào ngân sách sẽ còn ở trong ngân sách và khi có quyết định của UBND huyện thì các hộ này sẽ được giảm trừ, không có ai chỉ đạo mà do T tự thực hiện.

Ngày 02/6/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn tiến hành khám xét nơi ở, nơi làm việc của Hoàng Xuân T. Khám xét nơi làm việc của Hoàng Xuân T tại UBND xã P không thu giữ đồ vật, tài liệu gì. Khám xét tại nơi làm việc của Hoàng Xuân T tại UBND xã T thu giữ những đồ vật, tài liệu, gồm: 03 tờ trích đo: “Đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính, chỉnh lý thửa số 330 để lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” của ông Vi Văn C T. Bắc Giang - H. L Hệ tọa độ VN2000, thôn C, tờ bản đồ số 11” (bản gốc); 03 tài liệu bản phô tô giấy chứng minh nhân dân; 03 bộ sổ hộ khẩu, bản phô tô mang tên chủ hộ Phan Văn H, tổng số 09 tờ; 01 bộ sổ hộ khẩu, bản phô tô mang tên chủ hộ Phan Văn I, tổng số 04 tờ; 01 biên bản ghi ngày 24/4/2018 (bản gốc); 01 danh sách đề nghị giao đất, ghi năm 2013 (bản gốc); 01 Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 22/5/2013).

Khám xét nơi ở của Hoàng Xuân T tại thôn P, xã P, huyện L, thu giữ: 03 tờ bản gốc trích đo đạc thửa đất số 105 hộ ông Phan Văn H, thời gian năm 2017; 01 tờ bản gốc “Bản mô tả ranh giới thửa đất” của ông Phan Văn H, thời gian năm 2017; 01 tờ bản gốc “Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất” số 105.

Trong các ngày 15/6/2020 và 30/7/2020 chị Nông Thị D (vợ của Hoàng Xuân T) đã giao nộp cho Cơ quan điều tra tổng số tiền 11.800.000 đồng để bồi thường, khắc phục hậu quả cho những người bị hại.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ.

Tại bản cáo trạng số: 81/ CT - VKS - HS ngày 15 tháng 10 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn đã truy tố bị cáo Hoàng Xuân T về tội “Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 280 Bộ luật hình sự 1999.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà sau khi phân tích tính chất vụ án, giữ nguyên quyết định truy tố tại bản Cáo trạng đối với bị cáo và đề xuất ý kiến xử phạt bị cáo như sau:

- Áp dụng điểm c khoản 2,5 Điều 280 Bộ luật hình sự 1999; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Tuyên bố Hoàng Xuân T phạm tội “Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Xuân T từ 03 năm 06 tháng đến 4 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2020.

Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ địa chính xây dựng trong thời hạn 03 năm tính từ ngày chấp hành xong bản án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 599; Điều 600 Bộ luật dân sự 2005; Điều 579, Điều 580 Bộ luật dân sự 2015 buộc UBND huyện L hoàn trả: ông Vi Văn C số tiền 97.200.000 đồng đã nộp vào ngân sách nhà nước ngày 16/11/2016, anh Phan Văn H số tiền 42.500.000 đồng đã nộp vào ngân sách nhà nước ngày 06/6/2017, anh Bùi Văn N số tiền 42.500.000 đồng đã nộp vào ngân sách ngày 18/01/2017.

Căn cứ vào các Điều 604; 605; 608 Bộ luật dân sự 2005. Điều 584; 585; 589 Bộ luật dân sự 2015. Buộc bị cáo Hoàng Xuân T phải bồi thường cho anh Phan Văn H 9.879.833đồng tiền lãi tính từ ngày 06/6/2017 đến ngày 25/11/2020; Trả cho anh Bùi Văn N 1.800.000đồng và bồi thường 18.935.875đồng tiền lãi từ ngày 18/01/2017 đến ngày 25/11/2020; Trả cho ông Vi Văn C 5.000.000đồng và bồi thường 47.628.000đồng tiền lãi từ ngày 16/11/2016 đến ngày 25/11/2020; Trả cho ông Phan Văn I số tiền 5.000.000đồng.

*** Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Trả cho bị cáo số tiền 11.800.000đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

*** Án phí:** Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Các điều 3; 21; 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hoàng Xuân T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự và 3.822.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên toà bị cáo khai nhận đúng hành vi như đã khai tại cơ quan điều tra, bị cáo không có ý kiến gì và thừa nhận Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng hành vi bị cáo đã thực hiện.

Ông Vi Văn C đề nghị được nhận lại số tiền 97.200.000 đồng đã nộp vào ngân sách nhà nước từ ngày 16/11/2016; anh Phan Văn H đề nghị được nhận lại số tiền 42.500.000 đồng đã nộp vào ngân sách nhà nước từ ngày 06/6/2017; anh Bùi Văn N đề nghị được nhận lại số tiền 42.500.000 đồng đã nộp vào ngân sách từ ngày 18/01/2017.

Ông Vi Văn C yêu cầu Hoàng Xuân T trả lại số tiền 5.000.000 đồng nhận của ông từ ngày 20/10/2006 và số tiền lãi phát sinh của khoản tiền 97.200.000 đồng đã nộp vào ngân sách nhà nước từ ngày 16/11/2016 với lãi suất 01%/ tháng đến ngày xét xử.

Ông Phan Văn I yêu cầu Hoàng Xuân T trả lại số tiền 5.000.000 đồng Trình đã nhận từ tháng 02/2013.

Anh Phan Văn H yêu cầu Hoàng Xuân T trả tiền lãi phát sinh của số tiền 42.500.000 đồng đã nộp vào ngân sách nhà nước từ ngày 06/6/2017 với lãi suất 0,55%/ tháng anh đã vay của Ngân hàng chính sách đến ngày xét xử.

Anh Bùi Văn N yêu cầu Hoàng Xuân T hoàn trả số tiền 1.800.000 đồng T đã nhận và số tiền lãi phát sinh của số tiền 42.500.000 đồng đã nộp vào ngân sách từ ngày 18/01/2017 với lãi suất 0,95%/ tháng đến ngày xét xử.

Bị cáo Hoàng Xuân T nhất trí trả lại số tiền như mọi người yêu cầu và nhất trí bồi thường thiệt hại cho ông C, anh H, anh N theo lãi xuất như mọi người yêu cầu.

Người bị hại là ông Vi Văn C, ông Phan Văn I, anh Phan Văn H, anh Bùi Văn N cùng có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Tàng Thị B nhất trí với ý kiến của anh Phan Văn H chồng chị, chị Nghiêm Thị H1 nhất trí với ý kiến của anh Bùi Văn N chồng chị. Chị Nông Thị D xác định số tiền 11.800.000 đồng là tiền chị tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả cho chồng chị là Hoàng Xuân T, nay chị không có đề nghị gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lục Ngạn, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã thu thập được. Do vậy đủ cơ sở kết luận Hoàng Xuân T là công chức địa chính - xây dựng của Ủy ban nhân dân xã P, huyện L thời gian từ ngày 15/02/2002 đến ngày 31/5/2017. Trong thời gian từ tháng 6/2006 đến tháng 9/2016, Hoàng Xuân T đã lạm dụng chức vụ, quyền hạn để tiếp nhận và hứa hẹn làm thủ tục, hồ sơ để chuyển đổi mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình ông Vi Văn C, Phan Văn I, Phan Văn H, Hoàng Văn V và Bùi Văn N đều ở thôn C, xã P, huyện L để chiếm đoạt của 05 hộ dân này với tổng số tiền 41.800.000 đồng.

Trong đó hộ ông Vi Văn C 5.000.000 đồng, Phan Văn I 5.000.000 đồng, Phan Văn H 10.000.000 đồng, Hoàng Văn V 10.000.000 đồng và Bùi Văn N 11.800.000 đồng.

Như vậy, hành vi của Hoàng Xuân T đã đủ yếu tố cấu thành tội “ Lạm dụng chức vụ chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 điều 280 Bộ luật hình sự 1999. Do đó bản cáo trạng số: 81/CT - VKS - HS ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn đã truy tố và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ.

[3] Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho người dân khi đến cơ quan nhà nước trong quản lý tài sản nên phải lên một bản án nghiêm khắc đối với bị cáo để giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa hôm nay, thấy rằng bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; Bản thân là người có nhiều thành tích trong công tác, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s, khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Khi lượng hình Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Đối với các cơ quan, tổ chức có liên quan như Ngân hàng BIDV tại L - Chi nhánh Bắc Giang; Kho bạc Nhà nước huyện L; Chi cục thuế khu vực L - S. Các cơ quan này trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ đã ký văn bản “Thỏa thuận hợp tác phối hợp thu ngân sách nhà nước”. Việc Ngân hàng BIDV đã thu tiền của các hộ dân chuyển vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước huyện Lục Ngạn mở tại Ngân hàng, Kho bạc huyện Lục Ngạn đã thực hiện việc phân chia ngân sách theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang. Quá trình điều tra xác định các cơ quan này không liên quan đến hành vi phạm tội của Hoàng Xuân T nên không có căn cứ xem xét để xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã có Công văn đề nghị các cơ quan này sửa đổi văn bản “Thỏa thuận hợp tác phối hợp thu ngân sách nhà nước” để tránh các trường hợp tương tự xảy ra trong quá trình thu ngân sách nhà nước.

Đối với các ông Lý Đức D1 và Nguyễn Văn C1, nguyên là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện L trong các nhiệm kỳ 2011-2015 và 2015-2020 đã buông lỏng quản lý cán bộ, buông lỏng quản lý đất đai, dẫn đến Hoàng Xuân T có hành vi vi phạm pháp luật, đồng thời để xảy ra việc các hộ dân Vi Văn C, Phan Văn H, Hoàng Văn V và Bùi Văn N xây dựng nhà trái phép trên đất trồng lúa và đất trồng cây lâu

năm. Quá trình điều tra không có căn cứ xác định ông Lý Đức D1 và Nguyễn Văn C1 đồng phạm với Hoàng Xuân T nên không có căn cứ để xử lý về hình sự, nhưng cần phải xem xét xử lý bằng biện pháp hành chính. Ngày 31/8/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã có Công văn số 1019/CV-CSĐT gửi Chủ tịch UBND huyện L đề nghị xem xét xử lý đối với các ông Lý Đức D1 và Nguyễn Văn C1 theo thẩm quyền.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 182.000.000 đồng các hộ dân đã nộp vào ngân sách nhà nước khi chưa có thông báo của cơ quan Thuế, nay các hộ dân có đề nghị được nhận lại nên căn cứ vào các Điều 599; Điều 600 Bộ luật dân sự 2005; Điều 579, Điều 580 Bộ luật dân sự 2015 buộc UBND huyện L hoàn trả ông Vi Văn C số tiền 97.200.000 đồng đã nộp vào ngân sách nhà nước ngày 16/11/2016; hoàn trả anh Phan Văn H số tiền 42.500.000 đồng đã nộp vào ngân sách nhà nước ngày 06/6/2017; hoàn trả anh Bùi Văn N số tiền 42.500.000 đồng đã nộp vào ngân sách ngày 18/01/2017.

Việc các hộ dân nộp tiền vào ngân sách nhà nước là do lỗi của Hoàng Xuân T, nay các hộ ông Vi Văn C, ông Phan Văn I, anh Phan Văn H và anh Bùi Văn N yêu cầu Hoàng Xuân T trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của các hộ trên và phải bồi thường thiệt hại là tiền lãi đối với số tiền 182.200.000 đồng vào ngân sách nhà nước, cụ thể:

Ông Vi Văn C yêu cầu Hoàng Xuân T hoàn trả số tiền 5.000.000 đồng nhận từ ngày 20/10/2006 và số tiền lãi phát sinh của khoản tiền 97.200.000 đồng đã nộp vào ngân sách nhà nước từ ngày 16/11/2016 với lãi suất 01%/ tháng đến ngày xét xử 25/11/2020.

Ông Phan Văn I yêu cầu Hoàng Xuân T hoàn trả số tiền 5.000.000 đồng mà Trình đã nhận từ tháng 02/2013.

Anh Phan Văn H yêu cầu Hoàng Xuân T phải thanh toán số tiền lãi phát sinh số tiền 42.500.000 đồng đã nộp vào ngân sách nhà nước từ ngày 06/6/2017 với lãi suất 0,55%/ tháng đến ngày xét xử 25/11/2020.

Anh Bùi Văn N yêu cầu Hoàng Xuân T hoàn trả số tiền 1.800.000 đồng mà Hoàng Xuân T đã nhận và số tiền lãi phát sinh của số tiền 42.500.000 đồng đã nộp vào ngân sách từ ngày 18/01/2017 với lãi suất 0,95%/ tháng đến ngày xét xử 25/11/2020.

Bị cáo Hoàng Xuân T nhất trí bồi thường theo yêu cầu của các bị hại.

Căn cứ vào các Điều 604; 605; 608 Bộ luật dân sự 2005. Điều 584; 585; 589 Bộ luật dân sự 2015. Buộc bị cáo Hoàng Xuân T phải bồi thường cho anh Phan Văn H 9.879.833 đồng tiền lãi tính từ ngày 06/6/2017 đến ngày 25/11/2020; Trả cho anh Bùi Văn N 1.800.000 đồng và bồi thường 18.935.875 đồng tiền lãi từ ngày 18/01/2017 đến ngày 25/11/2020; Trả cho ông Vi Văn C 5.000.000 đồng và bồi thường 47.628.000 đồng tiền lãi từ ngày 16/11/2016 đến ngày 25/11/2020; Trả cho ông Phan Văn I số tiền 5.000.000 đồng.

[6] Về vật chứng của vụ án: Số tiền 11.800.000 đồng do chị Nông Thị D giao nộp thay cho bị cáo tại Cơ quan điều tra để bồi thường, khắc phục hậu quả cho những

người bị hại được chuyển đến kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn để xử lý theo quy định của pháp luật.

[7]Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2, 5 Điều 280 Bộ luật hình sự 1999; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Tuyên bố Hoàng Xuân T phạm tội “Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Xuân T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2020.

Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ địa chính xây dựng trong thời hạn 03 năm tính từ ngày chấp hành xong bản án.

* **Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ vào các Điều 599; Điều 600 Bộ luật dân sự 2005; Điều 579, Điều 580 Bộ luật dân sự 2015 buộc UBND huyện L hoàn trả ông Vi Văn C số tiền 97.200.000 đồng đã nộp vào ngân sách nhà nước ngày 16/11/2016; hoàn trả anh Phan Văn H số tiền 42.500.000 đồng đã nộp vào ngân sách nhà nước ngày 06/6/2017; hoàn trả anh Bùi Văn N số tiền 42.500.000 đồng đã nộp vào ngân sách ngày 18/01/2017.

Căn cứ vào các Điều 604; 605; 608 Bộ luật dân sự 2005. Điều 584; 585; 589 Bộ luật dân sự 2015. Buộc bị cáo Hoàng Xuân T phải bồi thường cho anh Phan Văn H 9.879.833đồng tiền lãi tính từ ngày 06/6/2017 đến ngày 25/11/2020; Trả cho anh Bùi Văn N 1.800.000đồng và bồi thường 18.935.875đồng tiền lãi từ ngày 18/01/2017 đến ngày 25/11/2020; Trả cho ông Vi Văn C 5.000.000đồng và bồi thường 47.628.000đồng tiền lãi từ ngày 16/11/2016 đến ngày 25/11/2020; Trả cho ông Phan Văn I số tiền 5.000.000đồng.

* **Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Trả cho bị cáo Hoàng Xuân T số tiền 11.800.000đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

* **Án phí:** Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Các điều 3; 21; 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hoàng Xuân T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự và 3.822.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo; Người bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Bị đơn dân sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đạt án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Công an huyện Lục Ngạn;
- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- THADS huyện Lục Ngạn;
- Bị cáo;
- Bị đơn dân sự, người liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Ngọc Hà